TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/TCDS-ST
Ngày: 26 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tân,

2. Ông Đỗ Cao Thế.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*** tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-TCDS, ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - DSST ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam,

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Quảng Bình; ủy quyền lại cho ông Hoàng Đại T, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Quảng Bình tại văn bản ủy quyền số 256/QĐ-NHCS ngày 08 tháng 7 năm 2019, có mặt.

Địa chỉ Phòng giao dịch: Tiểu khu N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, địa chỉ: Thôn Đ,

xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, bản tự khai (Bút lục 01, 54) và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Ông Hoàng Đại T trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ vay cho con là sinh viên Hoàng Văn H đã được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước số 6000003000097515 số tiền 34.000.000 đồng, ngày vay 22/10/2008, hạn trả nợ 14/4/2017, lãi suất cho vay 0,6%. Đến hạn trả nợ, gia đình ông Đ chưa có tiền trả nợ và xin gia hạn thêm 04 lần với thời hạn gia hạn là 22 tháng, đến ngày 14/02/2019 hết hạn trả nợ nhưng hộ vay vẫn không chấp hành trả nợ. Đến ngày 15/02/2019, Ngân hàng đã chuyển nợ qúa hạn món vay này.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, Ủy ban nhân dân xã G, Ban giảm nghèo xã G, Hội Cựu chiến binh xã và Tổ TK&VV đã phối hợp nhiều lần động viên, đôn đốc gia đình ông Hoàng Văn Đ trả nợ, đến ngày 29-02-2019 gia đình ông Hoàng Văn Đ trả 20.000.000 đồng và ngày 05-11-2019 trả 13.800.000 đồng.

Món vay sau khi chuyển nợ quá hạn Ngân hàng chính sách và xã hội huyện đều có thông báo bằng văn bản về việc chuyển nợ quá hạn gửi đến hộ vay. Kể từ ngày 14/02/2019 đến nay, Ngân hàng đã phối hợp cùng với UBND xã G, Hội cựu chiến bình xã, Tổ tiết kiệm và vay vốn có 04 lần trực tiếp làm việc với gia đình hộ vay nhưng đến nay hộ gia đình ông Đ vẫn không chấp hành trả nợ, ý thức chây ỳ mặc dù gia đình có điều kiện trả nợ.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng Chính sách đề nghị Tòa án huyện Quảng Ninh buộc gia đình ông Hoàng Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách huyện Q, tỉnh Quảng Bình tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 14.038.513 đồng (Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc 200.000 đồng, nợ lãi là 13.838.513 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 13.607.824 đồng, nợ lãi quá hạn 231.229 đồng) và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày gia đình ông Hoàng Văn Đ trả nợ xong cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tại Bản tự khai (BL 69), bị đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày: Năm 2008, vợ chồng tôi có vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q số tiền 34.000.000 đồng (vay theo chính sách sinh viên cho con trai Hoàng Văn H), thời hạn vay 108 tháng, lãi suất 0,6%. Tôi đã trả gốc cho khế ước này 20.000.000 đồng, còn lại nợ gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q.

Ngày 22/11/2009, vợ chồng tôi có vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q số tiền 37.200.000 đồng (vay theo chính sách sinh viên cho con trai Hoàng Văn T), thời hạn vay 108 tháng, lãi suất 0,6%. Tôi đã trả một ít lãi cho khế ước cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q nhưng chưa trả gốc vì chưa đến hạn.

Do con tôi Hoàng Văn H và Hoàng Văn T đi học về chưa có công ăn việc làm, bản thân vợ chồng tôi hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng kịp thời. Hiện nay, Ngân hàng khởi kiện, tôi đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho tôi thời gian là 20 ngày, kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2019 đến ngày 14 tháng 10 năm 2019 tôi sẽ vay mượn để trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của khế ước vay cho Hoàng Văn H. Nếu hết thời hạn trên, tôi không trả đủ thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày: Bà thống nhất với lời khai của ông Hoàng Văn Đ. Mặc dù là vay cho con trai Hoàng Văn H để phục vụ cho con học tập, nhưng vợ chồng tôi vay vợ chồng tôi sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Điều 51, 54, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các Điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Phạm Thị M thanh toán cho Ngân hàng chính sách huyện Q số tiền nợ gốc còn lại là 200.000 đồng và nợ lãi phát sinh cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật là 13.838.513 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 13.607.284 đồng, nợ lãi quá hạn 231.229 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện bị đơn ông Hoàng Văn Đ yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn ông Hoàng Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà M.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước số 6000003000097515 ngày 22/10/2008, hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ đã vay Ngân hàng số tiền 34.000.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất cho vay 0,6%/tháng, hạn trả nợ 14/4/2017. Đến hạn trả nợ, gia đình ông Đ chưa có tiền trả nợ và xin gia hạn thêm 04 lần với thời hạn gia hạn là 22 tháng, đến ngày 14/02/2019 hết hạn trả nợ cuối cùng. Nhiều lần, Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng, đôn đốc, kiểm tra, yêu cầu ông Đ, bà M trả nợ, ông Đ, bà M vẫn không trả. Đến ngày 29 tháng 02 năm 2019, gia đình ông Hoàng Văn Đ mới trả 20.000.000 đồng và ngày 05 tháng 11 năm 2019 trả 13.800.000 đồng. Tổng cộng đã trả gốc 33.800.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hộ gia đình Ông Hoàng Văn Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 14.038.513 đồng (Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc 200.000 đồng, nợ lãi là 13.838.513 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 13.607.284 đồng, nợ lãi quá hạn 231.229 đồng).

Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được giải ngân giữa Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q với hộ gia đình ông Đ được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo cam kết thỏa thuận tại sổ vay vốn.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q phê duyệt giải ngân theo khế ước số 6000003000097515 ngày 22/10/2008 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 0,6%/năm. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét thấy rằng, đến kỳ hạn trả nợ, gia đình ông Đ không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ gia đình ông Đ không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Đến ngày 29 tháng 02 năm 2019 và ngày 05 tháng 11 năm 2019 vợ chồng ông Đ trả tiền gốc 33.800.000 đồng, vợ chồng ông Đ trả gần hết nợ gốc cho Ngân hàng nhưng không trả lãi. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc vợ chồng ông Đ, bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 13.838.513 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 13.607.284 đồng, nợ lãi quá hạn 231.229 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Đồng phải nộp 701.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền 14.038.513 đồng (Mười bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc 200.000 đồng, nợ lãi là 13.838.513 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 13.607.284 đồng, nợ lãi quá hạn 231.229 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Hoàng Văn Đ và bà Phạm Thị M phải nộp 701.900 đồng (Bảy trăm linh một nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn